

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2024/DS-ST

Ngày: 12-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 348/2024/TLST-DS ngày 01/7/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần X; địa chỉ: Tháp B, Số X, phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**Người đại diện hợp pháp:** Ông Huỳnh Xuân K – Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Khách hàng cá nhân - Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh MP. Là đại diện theo uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền số 218/UQ-QLRR ngày 10/5/2023. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Xóm L, xã ĐB, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; địa chỉ tạm trú: Khu phố X6, phường TH, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương; địa chỉ nơi làm việc: Công ty TNHH Y; địa chỉ: Lô D, 10B CN, KCN MP, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Xuân K trình bày:

Ngày 26/12/2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X - Chi nhánh MP (gọi tắt là BIDV MP) và bà Lê Thị Hồng P có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1111/2013/CN/HĐ. Ngân hàng đã giải ngân cho bà P số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng phục vụ đời sống.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền lãi và tiền gốc vay theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký. Đến nay, BIDV MP đã chuyển nhóm nợ của bà P theo đúng quy định. Do bà P không thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại hợp đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần X yêu cầu Toà án buộc bà Lê Thị Hồng P thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 17.379.674 đồng; trong đó: Nợ gốc 5.640.000 đồng và nợ lãi 11.739.674 đồng.

Kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, bà Lê Thị Hồng P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 26/12/2013 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh MP và bà Lê Thị Hồng P.

Trường hợp bà Lê Thị Hồng P không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi và xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của bà Lê Thị Hồng P để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

- *Bị đơn bà Lê Thị Hồng P:* Bị đơn bà P không có mặt ở địa phương, đi đâu không rõ. Để bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự và giải quyết vụ án đúng pháp luật, căn cứ Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương thông báo các đương sự được biết và tiến hành liên hệ cơ quan đăng tin, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể: Báo Thanh niên trong 03 số 201, 202, 203 ra các ngày 19, 20, 21/7/2024; Cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh trong 03 ngày 15, 16, 17/7/2024 và Công thông tin điện tử của Tòa án về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; thời gian trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thời gian tham gia phiên toà lần thứ nhất và phiên toà lần thứ 2 (trong trường hợp bà P vắng mặt phiên toà lần thứ nhất). Tuy nhiên, bà P không có mặt, vắng mặt không có lý do. Bà P không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên toà:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt vi phạm quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cung cấp, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X khởi kiện bị đơn bà Lê Thị Hồng P yêu cầu thanh toán tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1111/2013/CN/HĐ ngày 26/12/2013. Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng tín dụng số 1111/2013/CN/HĐ ngày 26/12/2013 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh MP và bà Lê Thị Hồng P được ký kết và thực hiện tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh MP; địa chỉ: Lô D, đường N, Khu công nghiệp MP2, phường MP, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, Điều 10 Hợp đồng này hai bên có thoả thuận nội dung: “Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa các bên. Trường hợp không thương lượng được thì sẽ đưa ra Tòa án Bến Cát để giải quyết”. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập bị đơn để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về chứng cứ: Quá trình tố tụng, bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ, không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên coi như bà P từ chối quyền tự bảo vệ của mình và chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổ chức phiên họp công khai giao nộp và tiếp cận chứng cứ ngày 23/8/2024, gửi kết quả cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến thắc mắc, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác, ngoài chứng cứ có

trong hồ sơ. Do đó, Tòa án căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 1111/2013/CN/HĐ ngày 26/12/2013 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh MP và bà Lê Thị Hồng P thể hiện ý chí tự nguyện thoả thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, thoả thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ... phù hợp với quy định Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm các bên phải thực hiện.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà P số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà P đã không thực hiện đúng như cam kết được quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến thời điểm hiện tại, bà P còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 5.640.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Bà P không được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Việc bị đơn không thanh toán đủ tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo thoả thuận giữa hai bên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh là phù hợp với thoả thuận của hợp đồng, quy định Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh từ ngày theo theo ngày Tòa án mở phiên toà xét xử cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thoả thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”*. Ngoài ra, tại thời điểm ký kết hợp đồng hai bên đã thoả thuận rõ các quy định về việc thanh toán nợ và lãi suất. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thoả thuận của hợp đồng và quy định Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Ngoài ra, tại Điều 5 Hợp đồng các bên có thoả thuận: *“Trường hợp bên vay không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng này, Ngân hàng có quyền yêu cầu bên vay thực hiện các biện pháp bảo đảm bắt buộc như thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay hoặc của bên thứ ba”* để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu của ngân hàng về việc trường hợp bà Lê Thị Hồng P không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi và xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của bà Lê Thị Hồng P để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X về việc yêu cầu Toà án buộc bà Lê Thị Hồng P thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 17.379.674 đồng; trong đó: Nợ gốc 5.640.000 đồng và nợ lãi 11.739.674 đồng và tiếp tục chịu các khoản lãi, phí phát sinh sau ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà Lê Thị Hồng P không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi và xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của bà Lê Thị Hồng P để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên toà là có căn cứ và phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử thống nhất.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bị đơn phải chịu. Bị đơn bà Lê Thị Hồng P có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 40, 147, 157, 180, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Thông Tư số 39/2016/TTNH-NN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà Nước;

Căn cứ Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng P về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Lê Thị Hồng P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là 17.379.674 đồng (mười bảy triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc 5.640.000 đồng (năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) và nợ lãi 11.739.674 đồng (mười một triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi bà Lê Thị Hồng P thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, bà Lê Thị Hồng P còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1111/2013/CN/HĐ ngày 26/12/2013 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh MP và bà Lê Thị Hồng P.

Trường hợp bà Lê Thị Hồng P không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi và xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của bà Lê Thị Hồng P để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bị đơn bà Lê Thị Hồng P có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lê Thị Hồng P phải chịu số tiền 868.983 đồng (tám trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm tám mươi ba đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 383.312 đồng (ba trăm tám mươi ba nghìn ba trăm mười hai đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0011246 ngày 24/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Nguyễn Kiều Oanh**